

Drag and drop to the correct answer.

碗碟
wǎn dié

锅子
guō zi

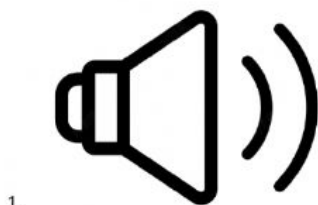
叉子
chā zi

汤匙
tāng chí

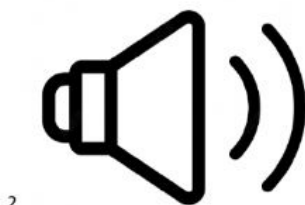
筷子
kuài zi



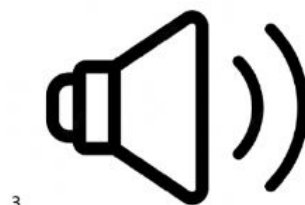
Listen and choose the correct answer.



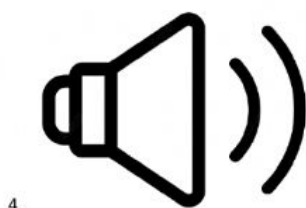
(午餐 / 洗手)



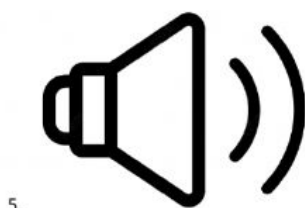
(桌子 / 肥皂)



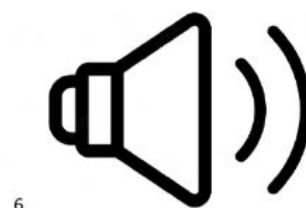
(医院 / 书房)



(干净 / 帮忙)



(叉子 / 筷子)



(碗碟 / 锅子)